

Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CUỐI NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
	Tổng số	6.128.366	507.840	4.738.326	833.600	18.600	30.000	5.908.366	507.840	4.518.326	833.600	18.600	30.000	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	2.892.806	300.510	2.592.296	-	-	-	2.892.806	300.510	2.592.296	-	-	-	-
1	Thành phố Đồng Xoài	156.800	29.400	127.400				156.800	29.400	127.400				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	38.220		38.220				38.220		38.220				
2	Thị xã Bình Long	758.919	25.095	733.824				758.919	25.095	733.824				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	220.147		220.147				220.147		220.147				
3	Thị xã Phước Long	338.135	22.575	315.560				338.135	22.575	315.560				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	94.668		94.668				94.668		94.668				
4	Huyện Đồng Phú	149.100	31.500	117.600				149.100	31.500	117.600				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	35.280		35.280				35.280		35.280				
5	Huyện Bù Đăng	117.740	31.500	86.240				117.740	31.500	86.240				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25.872		25.872				25.872		25.872				
6	Huyện Bù Gia Mập	129.605	25.725	103.880				129.605	25.725	103.880				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	31.164		31.164				31.164		31.164				
7	Thị xã Chơn Thành	333.725	26.985	306.740				333.725	26.985	306.740				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	92.022		92.022				92.022		92.022				
8	Huyện Hớn Quản	185.570	25.830	159.740				185.570	25.830	159.740				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	47.922		47.922				47.922		47.922				
9	Huyện Lộc Ninh	234.920	34.020	200.900				234.920	34.020	200.900				
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	60.270		60.270				60.270		60.270				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
10	Huyện Bù Đốp	372.295	23.415	348.880			372.295	23.415	348.880					
	Trong đó:													
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	104.664		104.664			104.664		104.664					
11	Huyện Phú Riềng	115.997	24.465	91.532			115.997	24.465	91.532					
	Trong đó:													
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	27.460		27.460			27.460		27.460					
B	Vốn thực hiện dự án	2.665.560	144.497	1.758.263	714.200	18.600	30.000	2.485.560	146.497	1.576.263	714.200	18.600	30.000	
B1	Dự án chuyển tiếp	1.463.292	104.497	1.066.295	243.900	18.600	30.000	1.373.292	92.497	998.295	233.900	18.600	30.000	
I	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.640		16.640				16.640		16.640				Sở Tài chính
II	Đổi ứng dự án PPP	70.600	-	70.600	-	-	-	53.600	-	53.600	-	-	-	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	70.600		70.600				53.600		53.600				Sở Xây dựng
III	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	836.930	29.000	759.330	-	18.600	30.000	792.930	21.000	723.330	-	18.600	30.000	-
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	34.330		34.330				34.330		34.330				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng cầu dân sinh	46.000		46.000				46.000		46.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	25.000		25.000				20.000		20.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	2.300		2.300				2.300		2.300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	34.000		34.000				34.000		34.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30.000		30.000				30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	50.600		32.000		18.600		50.600		32.000		18.600		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12.000		12.000				12.000		12.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800		14.800				14.800		14.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường Đồng Huru - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Năm)	19.000		19.000				19.000		19.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	12.000		12.000				12.000		12.000				UBND Huyện Đồng Phú
12	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	27.750		27.750				27.750		27.750				UBND Huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	10.550		10.550				10.550		10.550				UBND Huyện Đồng Phú

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
14	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30.000		30.000				30.000		30.000				UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	25.000		25.000				25.000		25.000				UBND Huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	20.000		20.000				20.000		20.000				UBND Huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	9.000		9.000				6.000		6.000				UBND Huyện Hớn Quản
18	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	29.000	29.000					21.000	21.000					UBND TP Đồng Xoài
19	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đông)	8.000		8.000				8.000		8.000				UBND TP Đồng Xoài
20	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500		10.500				10.500		10.500				UBND TX Phước long
21	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32.000		32.000				24.000		24.000				UBND TX Phước long
22	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38.700		38.700				35.700		35.700				UBND TX Bình Long
23	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	10.000		10.000										UBND thị xã Chơn thành
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000		36.000				36.000		36.000				UBND thị xã Chơn thành
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	9.000		9.000				9.000		9.000				UBND huyện Bù Đăng
26	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30.000		30.000				30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng
27	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30.000		30.000				30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21.000		21.000				21.000		21.000				UBND huyện Lộc Ninh
29	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	30.000				30.000	30.000					30.000		UBND huyện Bù Gia Mập
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia mập	11.000		11.000				11.000		11.000				UBND huyện Bù Gia Mập
31	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	10.000		10.000				10.000		10.000				UBND huyện Bù Đốp
32	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	23.400		23.400				23.400		23.400				UBND huyện Lộc Ninh
33	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	1.000		1.000				1.000		1.000				UBND huyện Phú Riêng
34	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riêng - Bù Đăng	55.000		55.000				55.000		55.000				UBND huyện Phú Riêng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
35	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riêng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	30.000		30.000				25.000		25.000				UBND huyện Phú Riêng
36	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riêng và Hớn Quản	20.000		20.000				18.000		18.000				UBND huyện Phú Riêng
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	86.100	-	86.100	-	-	-	81.100	-	81.100	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30.000		30.000				30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25.000		25.000				25.000		25.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	11.100		11.100				11.100		11.100				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	20.000		20.000				15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Thủy lợi	22.000	-	22.000	-	-	-	17.000	-	17.000	-	-	-	-
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cản Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000		17.000				17.000		17.000				UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000		5.000										UBND Huyện Hớn Quản
VI	Giáo dục và Đào tạo	192.500	-	-	192.500	-	-	182.500	-	-	182.500	-	-	-
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	30.000			30.000			30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	20.000			20.000			20.000			20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	30.000			30.000			30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000			35.000			28.000			28.000			UBND TX Bình Long
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000			15.000			15.000			15.000			UBND huyện Bù Đốp
6	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1.500			1.500			1.500			1.500			UBND huyện Bù Đốp
7	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	2.500			2.500			2.500			2.500			UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đốp	5.000			5.000			5.000			5.000			UBND huyện Bù Đốp
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đốp	7.000			7.000			7.000			7.000			UBND huyện Bù Đốp
10	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20.000			20.000			20.000			20.000			UBND huyện Lộc Ninh
11	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500			7.500			4.500			4.500			UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	19.000			19.000			19.000			19.000			UBND huyện Bù Gia Mập
VII	Y tế	4.300	-	-	4.300	-	-	4.300	-	-	4.300	-	-	-
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	4.300			4.300			4.300			4.300			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
VIII	Văn hóa xã hội	129.700	43.000	86.700	-	-	-	124.700	43.000	81.700	-	-	-	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	71.200		71.200				66.200		66.200				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	22.000	22.000					22.000	22.000					Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	26.500	21.000	5.500				26.500	21.000	5.500				Đài PTTH và Báo Bình Phước
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000		10.000				10.000		10.000				UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Quốc phòng - An ninh	14.800	-	14.800	-	-	-	14.800	-	14.800	-	-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000		8.000				8.000		8.000				Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800		6.800				6.800		6.800				Công an tỉnh
X	Tất toán công trình đã quyết toán	57.225		10.125	47.100			57.225		10.125	47.100			Phụ lục 1.1
XI	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	32.497	32.497					28.497	28.497					Sở KHĐT
B2	Dự án khởi công mới	1.202.268	40.000	691.968	470.300	-	-	1.112.268	54.000	577.968	480.300	-	-	
I	Hoàn trả nguồn tạm mượn dự phòng NSDP thực hiện 02 dự án khẩn cấp	62.900	-	-	62.900	-	-	62.900	-	-	62.900	-	-	
1	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900			32.900			32.900			32.900			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000			30.000			30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Giao thông và Hạ tầng đô thị	512.468	-	512.468	-	-	-	490.168	-	490.168	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	33.769		33.769				18.769		18.769				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	48.999		48.999				48.999		48.999				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000		50.000				50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000		40.000				40.000		40.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2.000		2.000				2.000		2.000				UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000		30.000				30.000		30.000				UBND thị xã Chơn thành
7	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	10.000		10.000				520		520				UBND thị xã Chơn thành
8	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000		30.000				40.180		40.180				UBND thị xã Chơn thành
9	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	18.000		18.000				18.000		18.000				UBND huyện Bù Gia Mập
10	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	21.000		21.000				21.000		21.000				UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư	
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		
11	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	12.000		12.000				12.000		12.000					UBND huyện Bù Đốp
12	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	15.000		15.000				15.000		15.000					UBND huyện Bù Đốp
13	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	10.000		10.000				6.000		6.000					UBND huyện Bù Đốp
14	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	15.000		15.000				11.000		11.000					UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	15.000		15.000				15.000		15.000					UBND TX Phước Long
16	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	10.000		10.000				10.000		10.000					UBND TX Phước Long
17	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	12.000		12.000				12.000		12.000					UBND TX Phước Long
18	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	10.000		10.000				10.000		10.000					UBND TX Phước Long
19	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000		30.000				30.000		30.000					UBND TX Bình Long
20	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	4.000		4.000				4.000		4.000					UBND huyện Lộc Ninh
21	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	1.700		1.700				1.700		1.700					UBND huyện Lộc Ninh
22	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	3.000		3.000				3.000		3.000					UBND huyện Lộc Ninh
23	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	10.000		10.000				10.000		10.000					UBND TP Đồng Xoài
24	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000		45.000				45.000		45.000					UBND TP Đồng Xoài
25	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	8.000		8.000				8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng
26	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8.000		8.000				8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng
27	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	8.000		8.000				8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000		12.000				12.000		12.000					UBND huyện Hớn Quản
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	42.000	-	42.000	-	-	-	42.000	-	42.000	-	-	-	-	
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000		15.000				15.000		15.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	9.000		9.000				9.000		9.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	9.000		9.000				9.000		9.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	9.000		9.000				9.000		9.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp	20.000	-	20.000	-	-	-	15.000	-	15.000	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10.000		10.000				5.000		5.000				Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10.000		10.000				10.000		10.000				Liên minh HTX tỉnh
V	Giáo dục và Đào tạo	345.400	-	92.500	252.900	-	-	342.700	24.000	5.500	313.200	-	-	
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	20.000			20.000			20.000			20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học	273.000	-	92.500	180.500	-	-	273.000	24.000	5.500	243.500	-	-	
2.1	Thị xã Bình Long (30 phòng)	21.000		7.000	14.000			21.000			21.000			
2.2	Thị xã Phước Long (30 phòng)	21.000		7.000	14.000			21.000			21.000			
2.3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)	49.000		14.000	35.000			49.000	7.000		42.000			
2.4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)	21.000		7.000	14.000			21.000			21.000			
2.5	Huyện Hớn Quản (40 phòng)	28.000		7.000	21.000			28.000			28.000			
2.6	Huyện Bù Gia Mập (30 phòng)	21.000		7.000	14.000			21.000			21.000			
2.7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)	35.000		14.000	21.000			35.000	7.000		28.000			
2.8	Huyện Bù Đốp (10 phòng)	7.000			7.000			7.000			7.000			
2.9	Huyện Bù Đăng (100 phòng)	70.000		29.500	40.500			70.000	10.000	5.500	54.500			
3	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400			12.400			12.400			12.400			UBND huyện Đồng Phú
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000			10.000			10.000			10.000			UBND huyện Hớn Quản
5	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1.000			1.000			1.000			1.000			UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000			9.000			6.300			6.300			UBND huyện Lộc Ninh
7	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000			10.000			10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000			10.000			10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
VI	Y tế	90.000	-	-	90.000	-	-	40.000	-	-	40.000	-	-	
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000			25.000			20.000			20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000			25.000			20.000			20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40.000			40.000			-			-			Sở Y tế
VII	Văn hóa xã hội	74.500	40.000	-	34.500	-	-	64.500	30.000	300	34.200	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	40.000	40.000					30.000	30.000					Đài PTTH và Báo Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2022						Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Chi XDCCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	34.500			34.500			34.500		300	34.200			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số	30.000	-	-	30.000	-	-	30.000	-	-	30.000	-	-	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30.000			30.000			30.000			30.000			Sở TT&TT
VIII	Quốc phòng - An ninh	25.000	-	25.000	-	-	-	25.000	-	25.000	-	-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000		15.000				15.000		15.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	10.000		10.000				10.000		10.000				Công an tỉnh
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	490.000		370.600	119.400			450.000		330.600	119.400			Phụ lục 1.2
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	64.000	62.833	1.167				64.000	60.833	3.167				Phụ lục 1.3
E	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	16.000		16.000				16.000		16.000				Phụ lục 2.2